| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ TÂN**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 40/2025/LĐ-ST
Ngày: 22/01/2025
V/v "Tranh chấp tiền lương"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Phương

2. Ông Trương Thanh Nhàn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Minh Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân , tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 38/2024/TLST-LĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 560/2024/QĐXXST-LĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2025/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị Kiều Q sinh năm 1984; nơi cư trú tổ A, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn*: Công ty Cổ phần G (GAVICO);

Địa chỉ trụ sở: Lô C, cụm C, xã T, huyện P, tỉnh An Giang;

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1970; chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: 2 phố V, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt);

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2024 của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Bà Ngô Thị Kiều Q được Công ty cổ phần G thuê khoán làm công việc nhân viên tạp vụ từ tháng 9/2024 cho đến nay, hai bên không có ký kết hợp đồng lao động. Đến tháng 9/2024 thì bà Q được hưởng mức lương là 3.000.000 đồng/tháng. Quá trình làm việc, Công ty cổ phần G còn nợ tiền lương của bà Q tháng 9, 10, 11 của năm 2024 tổng cộng là 8.116.667 đồng theo danh sách nhân viên công ty chưa được trả lương, phía công ty có hứa hẹn thanh toán tiền lương cho công nhân nhiều lần nhưng không thực hiện. Nay bà Q khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần G trả tổng số tiền lương còn nợ là 8.116.667 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn Công ty cổ phần G đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Toà án không ghi nhận được ý kiến.*

Theo văn bản do phòng đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh A cung cấp thông tin như sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số MSDN 1601645981 sửa đổi lần thứ 18, ngày 04/12/2024 thì Công ty cổ phần G có trụ sở Lô 3-4, cụm C, xã T, huyện P, tỉnh An Giang, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Mạnh H, hiện nay Công ty cổ phần G vẫn đang hoạt động.

*Tại phiên toà:*

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 90, 95 của Bộ luật Lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20216 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kiều Q.

Buộc Công ty cổ phần G có nghĩa vụ trả tiền lương cho bà Ngô Thị K Quanh số tiền 8.116.667 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

*[1.1].Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp*: bà Q khởi kiện về tiền lương lao động đối với Công ty cổ phần G, có trụ sở tại xã T, huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang và quan hệ pháp luật "tranh chấp tiền lương" theo quy định khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 179 của Bộ luật lao động năm 2019.

*[1.2].Về điều kiện khởi kiện*: Vụ án đã được Hoà giải viên lao động tổ chức hoà giải đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 188 của Bộ luật lao động năm 2019.

*[1.3].Về sự vắng mặt của đương sự*:

- Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Trước khi phiên toà được mở, bị đơn Công ty cổ phần G đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty cổ phần G theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

*[2.1] Về xác lập và thực hiện hợp đồng lao động:*

Bà Ngô Thị Kiều Q được Công ty cổ phần G thuê khoán làm công việc nhân viên tạp vụ từ tháng 9/2024 cho đến nay, hai bên không có ký kết hợp đồng lao động. Đến tháng 9/2024 thì bà Q được hưởng mức lương là 3.000.000 đồng/tháng. Quá trình làm việc, Công ty cổ phần G còn nợ tiền lương của bà Q tháng 9, 10, 11 của năm 2024 tổng cộng là 8.116.667 đồng. Nay bà Q khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần G trả tổng số tiền lương còn nợ là 8.116.667 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy, việc Công ty cổ phần G thuê khoán bà Q làm công việc nhân viên tạp vụ từ tháng 9/2024 cho đến nay, nhưng bên phía công ty không ký hợp đồng lao động với bà Q là không đúng quy định theo khoản 2 Điều 13 Bộ luật Lao động. Tuy nhiên, trên thực tế bà Q có làm việc cho công ty, chịu sự quản lý của công ty và hàng tháng bà Q vẫn có lãnh lương thì giữa bà Q và công ty đã phát sinh quan hệ lao động theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Bộ luật Lao động. Từ tháng 9/2024 bà Q được hưởng mức lương là 3.000.000 đồng/tháng. Đến thời điểm tháng 9, 10, 11/2024, bà Q và nhiều người lao động khác chưa được

công ty T. Qua bảng lương bà Q cung cấp, biên bản hòa giải tranh chấp lao động ngày 08/11/2024 thì từ tháng 9, 10, 11/2024, Công ty cổ phần G còn nợ bà Q là 8.116.667 đồng. Bà Q yêu cầu công ty cổ phần G có trách nhiệm thanh toán số tiền lương còn thiếu 8.116.667 đồng là phù hợp với quy định pháp luật, nên có căn cứ để chấp nhận.

*[2.2] Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Bà Q yêu cầu Công ty cổ phần G có nghĩa vụ trả tiền lương, không yêu cầu tính lãi. Đối với bị đơn là Công ty cổ phần G đã được thông báo về vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi. Đồng thời, theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm biên bản gặp gỡ, đối thoại, người lao động tại Công ty cổ phần G, danh sách nợ lương từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2024 thể hiện bị đơn thừa nhận nợ lương công nhân trong đó có bà Q với số tiền 8.116.667 đồng.

Như vậy, có cơ sở xác định Công ty cổ phần G còn nợ tiền lương bà Q từ tháng 8,9,10,11/2024 là 8.116.667 đồng.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q. Buộc Công ty cổ phần G có nghĩa vụ thanh toán cho bà Q tiền lương còn nợ của các tháng 8, 9, 10, 11 của năm 2024. Bà Q không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án nên được chấp nhận.

[5] Về án phí lao động: Công ty cổ phần G phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 147, Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 90, 95 của Bộ luật Lao động; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kiều Q đối với Công ty cổ phần G về việc “Tranh chấp tiền lương ”.

Buộc Công ty cổ phần G có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ngô Thị Kiều Q tiền lương là 8.116.667( tám triệu một trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bà Ngô Thị Kiều Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty cổ phần G không thi hành số tiền trên thì hàng tháng Công ty cổ phần G còn phải trả cho bà Q số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**2.** Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty cổ phần G phải chịu 300.000 đồng. Nguyên đơn bà Ngô Thị Kiều Q được miễn án phí.

**3.** Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Lâm Bảo N**